

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Tháng 5/2024

ĐV: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán được giao trong năm				Dự toán được sử dụng	Thực hiện trong tháng	Thực hiện lũy kế	So sánh TH/DT		Nguyên nhân không chi hết dự toán
			Dầu năm	Bổ sung	Giảm	Tổng số				Tỷ lệ %	Số tuyệt đối	
1	2	3	4	5	6	7=4+5-6	8=3+7	9	10	11=10/8	12=10-8	13
	Tổng số	1.456.244.188	12.577.000.000	-	-	12.577.000.000	14.033.244.188	1.625.779.826	3.655.692.079		(10.377.552.109)	
1	Kinh phí tự chủ, thường xuyên		6.135.000.000	-	-	6.135.000.000	6.135.000.000	431.523.739	2.237.941.892	36%	(3.897.058.108)	
2	Kinh phí cải cách tiền lương	1.414.744.188	6.186.000.000	-	-	6.186.000.000	7.600.744.188	1.193.806.087	1.374.000.187		(6.226.744.001)	
	Chi thu nhập tăng thêm	1.402.108.079	6.005.000.000			6.005.000.000	7.407.108.079	1.193.806.087	1.193.806.087	16%	(6.213.301.992)	
	Chi tăng lương cơ sở	12.636.109	181.000.000			181.000.000	193.636.109	-	180.194.100	93%	(13.442.009)	
3	Kinh phí không tự chủ	41.500.000	256.000.000			256.000.000	297.500.000	450.000	43.750.000		(253.750.000)	
3.3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo											
	Mua sắm tập trung máy Photocopy	41.500.000				-	41.500.000	-	41.500.000	100%	-	
	Chế độ trả lương thêm giờ		120.000.000			120.000.000	120.000.000	-	-		(120.000.000)	
	Phụ cấp đối với nhà giáo dạy hòa nhập cho HS khuyết tật		105.000.000			105.000.000	105.000.000	-	-		(105.000.000)	
	Hỗ trợ viên chức làm công tác y tế trường học		11.000.000			11.000.000	11.000.000	450.000	2.250.000	20%	(8.750.000)	
	Miễn, giảm tiền học Hai buổi và hỗ trợ chi phí học tập		20.000.000			20.000.000	20.000.000	-	-		(20.000.000)	

Kinh phí không tự chủ: chi tiết từng nội dung chi.

Thuyết minh nguyên nhân chi không hết dự toán được sử dụng.

Phụ trách kế toán

Trần Thị Tuyền

Quận 8, ngày 05 tháng 6 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Lê Huỳnh Diễm Thúy



CÔNG KHAI THU - CHI CÁC NGUỒN THU, CÁC QUỸ
THÁNG 5/2024

Đơn vị tính: đồng

TT	Mã đối tượng	Tên nguồn	Dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	Ghi chú
				Thu	Chi		
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4) = (1)+(2)-(3)	(5)
1	HP16	Tiếng Anh tích hợp	351.919.170	202.500.000	38.631.600	515.787.570	
2	HP27	Tiền học "Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế"	1.677.407.993	1.543.813.500	1.165.928.590	2.055.292.903	
3	HPCB	Cấp bù học buổi hai	1.097.600	0	0	1.097.600	
4	KH01	Trích lại từ BHYT hs	19.623.530	0	0	19.623.530	
5	KH20	Tiền suất ăn trưa bán trú	370.975.771	684.386.000	528.749.824	526.611.947	
6	KH21	Tiền ăn chi đề kiểm tra	1.983.579	0	0	1.983.579	
7	KH23	Tiền nước uống	46.746.000	3.860.000	13.690.000	36.916.000	
8	KH28	Phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	233.192.060	187.850.000	156.760.519	264.281.541	
9	KH50	Thuế cho thuê mặt bằng	1.155.000	0	0	1.155.000	
10	KH99	Tiền khác (KT các danh hiệu thi đua)	46.514.000	0	0	46.514.000	
11	NCCTL3	Nguồn CCTL từ thu SN	377.781.246	0	89.780.106	288.001.140	
12	SN03	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	9.228.187	0	0	9.228.187	
13	SN04	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	572.555.571	0	0	572.555.571	
14	SN05	Quỹ khen thưởng	75.912.798	0	0	75.912.798	
15	SN06	Quỹ phúc lợi	664.522.209	0	27.200.000	637.322.209	
16	TH12	Nha học đường	14.783.938	0	0	14.783.938	
17	TH99	Thu hộ, chi hộ khác	66.743.286	9.600.968	0	76.344.254	
18	TLNH	Tiền lãi Ngân hàng	1.269.732	511.198	0	1.780.930	
Cộng			4.533.411.670	2.632.521.666	2.020.740.639	5.145.192.697	

Kế toán



Trần Thị Tuyền

Quận 8, ngày 31 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Lê Huỳnh Diễm Thúy